

# Thực trạng tiếp cận các tiện ích văn hóa, thể thao và du lịch của phụ nữ cao tuổi

Trần Thị Hồng\*

**Tóm tắt:** Theo quy định pháp luật, người cao tuổi (NCT) có quyền được tạo điều kiện tham gia hoạt động văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch. Bài viết tập trung tìm hiểu thực trạng phụ nữ cao tuổi tiếp cận với các tiện ích về văn hóa thể thao và du lịch ở địa phương và những yếu tố ảnh hưởng tới khả năng và cơ hội tiếp cận (các tiện ích gồm có thư viện, câu lạc bộ tự nguyện sân chơi cộng đồng, khu tập thể dục công cộng, các giải thi đấu thể thao dành riêng cho NCT, các hoạt động du lịch phù hợp với NCT). Bài viết sử dụng số liệu khảo sát định lượng và định tính của Đề tài độc lập cấp Quốc gia “Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp bảo vệ và hỗ trợ một số nhóm phụ nữ đặc thù” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện năm 2021. Mẫu phân tích là 792 người cao tuổi nữ (độ tuổi từ 60 trở lên) tại 5 tỉnh, thành phố, gồm Lào Cai, Quảng Ninh, Quảng Trị, Thành phố Hồ Chí Minh và Trà Vinh. Kết quả cho thấy, việc có các nguồn lực tốt hơn về học vấn, kiến thức, sức khỏe, quỹ thời gian giúp nữ cao tuổi tiếp cận và sử dụng các tiện ích nhiều hơn. Việc thúc đẩy khả năng tiếp cận, sự tham gia của nhóm có trình độ học vấn thấp hơn, nhóm có sức khỏe kém hơn cũng như nhóm đang tiếp tục làm việc (làm việc tạo thu nhập hoặc làm các công việc nội trợ, chăm sóc trong gia đình) cần được chú ý trong giai đoạn tới. Để đạt được điều đó, cần có sự đa dạng cả về hình thức, nội dung, cách thức hoạt động cũng như sự mở rộng về quy mô, sự đảm bảo về chất lượng của các tiện ích trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đối với người cao tuổi nữ<sup>1</sup>.

**Từ khóa:** Phụ nữ; Người cao tuổi; Phụ nữ cao tuổi.

**Ngày nhận bài:** 17/2/2022; ngày chỉnh sửa: 1/3/2022; ngày duyệt đăng: 15/3/2022.

---

\* TS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của Đề tài độc lập cấp Quốc gia “Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp bảo vệ và hỗ trợ một số nhóm phụ nữ đặc thù” (Mã số đề tài: ĐTĐL.XH-04/20) do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì thực hiện năm 2020-2022.

## 1. Đặt vấn đề

Đề tạo cơ sở pháp lý hoàn thiện phát huy vai trò cũng như đảm bảo tốt hơn việc chăm sóc, bảo vệ các quyền hợp pháp của người cao tuổi, Luật Người cao tuổi đã được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/11/2009. Theo đó, NCT ngoài quyền được bảo đảm các nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe; được ưu tiên khi sử dụng các dịch vụ theo quy định của pháp luật còn có quyền được tạo điều kiện tham gia hoạt động văn hoá, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch và nghỉ ngơi. Từ cơ sở pháp lý cao nhất này, các chính sách đối với NCT đã được đề cập và cụ thể hóa trong nhiều các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Cụ thể, chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012-2020 (được phê duyệt theo Quyết định số 1781/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 của Thủ tướng chính phủ) đã nêu rõ hoạt động chăm sóc đời sống văn hóa, tinh thần cho người cao tuổi gồm có: tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao, vui chơi giải trí phù hợp với người cao tuổi; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các câu lạc bộ văn hóa, thể thao của người cao tuổi ở địa phương. Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 (ban hành theo Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ) đã nêu rõ việc ban hành chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển thể dục, thể thao đối với các đối tượng xã hội đặc biệt, trong đó có người cao tuổi.

Vấn đề đặt ra là trên thực tế, việc cung cấp các tiện ích và tổ chức các hoạt động để người cao tuổi có cơ hội tiếp cận, thụ hưởng đã và đang diễn ra như thế nào. Đặc biệt, đảm bảo để NCT nữ được tiếp cận và thụ hưởng các tiện ích trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch là một trong những vấn đề cần quan tâm. Bởi vì kết quả nghiên cứu cho thấy, người cao tuổi nữ có các đặc điểm nhân khẩu, xã hội đáng chú ý trong tương quan với người cao tuổi nam. Thứ nhất, người cao tuổi nữ chiếm tỷ lệ đông hơn, đặc biệt ở nhóm tuổi cao. Theo số liệu tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 và 2019, số lượng NCT và tỷ lệ dân số cao tuổi trong tổng dân số đều tăng lên rõ rệt. Tính trung bình trong giai đoạn 2009-2019, tổng dân số tăng 1,14%/năm thì dân số cao tuổi tăng tới 4,35%/năm. Có sự chênh lệch ngày càng lớn giữa phụ nữ cao tuổi và nam giới cao tuổi khi tuổi tăng lên. Giữa hai năm, nam giới cao tuổi tăng thêm khoảng 1,76 triệu người, trong khi phụ nữ cao tuổi tăng thêm khoảng 2,19 triệu người. Khi nhóm tuổi càng cao, tỷ số giới tính càng lớn, nghĩa là tuổi càng cao thì càng có nhiều phụ nữ hơn nam giới. Một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này có thể là do sự khác biệt về tỷ suất chết giữa nam giới và phụ nữ cao tuổi càng lớn khi tuổi càng cao. Thứ hai, phụ nữ cao tuổi trong tình trạng góa cao hơn so với nam giới cao tuổi. Trong số những người đang góa vợ/chồng, phụ nữ cao tuổi chiếm

tới hơn 80% ở tất cả các nhóm tuổi. Như rất nhiều nghiên cứu đã nêu (Terrewichichainan và cộng sự, 2015; Giang và cộng sự, 2020, dẫn theo Tổng cục Thống kê, 2021), các hệ quả của việc sống một mình do góa vợ/chồng khiến cho NCT gặp nhiều vấn đề về sức khỏe thể chất và tinh thần và làm cho chất lượng cuộc sống (trong đó có sự hài lòng với cuộc sống) bị ảnh hưởng tiêu cực. Cần xem xét thực tế này trong các chính sách, chương trình chăm sóc NCT (Tổng cục Thống kê, 2021). Thứ ba, phụ nữ cao tuổi báo cáo có các vấn đề về sức khỏe cao hơn nam giới cao tuổi. Các bệnh phổ biến được người cao tuổi báo cáo gồm viêm khớp, đau thần kinh hoặc thấp khớp, đau lưng mãn tính và tăng huyết áp. Tỷ lệ ở NCT nữ cao hơn so với nam ở hầu hết các tình trạng bệnh được báo cáo trong điều tra (Vũ Công Nguyên và cộng sự, 2020). Với những đặc điểm như thế, phụ nữ cao tuổi có thể được coi là nhóm xã hội dễ bị tổn thương cần có những chính sách, hoạt động hỗ trợ và bảo vệ phù hợp để đảm bảo quyền được chăm sóc trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch.

Vì vậy, bài viết tập trung tìm hiểu thực trạng phụ nữ cao tuổi tiếp cận với các tiện ích về văn hóa thể thao và du lịch ở địa phương và những yếu tố ảnh hưởng tới khả năng và cơ hội tiếp cận.

## 2. Phương pháp phân tích

Bài viết sử dụng số liệu khảo sát định lượng và định tính của Đề tài độc lập cấp Quốc gia “Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp bảo vệ và hỗ trợ một số nhóm phụ nữ đặc thù” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện năm 2021. Mẫu phân tích là 792 người cao tuổi nữ (độ tuổi từ 60 trở lên) tại 5 tỉnh, thành phố, gồm Lào Cai, Quảng Ninh, Quảng Trị, thành phố Hồ Chí Minh và Trà Vinh. Trong nghiên cứu này, các tiện ích văn hóa, thể thao và du lịch được tìm hiểu gồm có: thư viện, câu lạc bộ tự nguyện (lĩnh vực văn hóa); sân chơi cộng đồng, khu tập thể dục công cộng, Các giải thi đấu thể thao dành riêng cho NCT (trong lĩnh vực thể thao), các hoạt động du lịch phù hợp với NCT (trong lĩnh vực du lịch).

Phân tích tần suất, tương quan hai biến và mô hình hồi quy đa biến logistic được áp dụng để nhận diện thực trạng, sự khác biệt về tiếp cận của các nhóm phụ nữ cao tuổi với các tiện ích trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

Thực trạng tiếp cận các tiện ích về văn hóa thể thao và du lịch của phụ nữ cao tuổi được đánh giá qua các nội dung sau:

Hiểu biết của phụ nữ cao tuổi về các tiện ích hiện có ở địa phương.

Thực trạng sử dụng 6 tiện ích trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch ở trên.

Đánh giá của người cao tuổi nữ về sự phù hợp của 6 tiện ích trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch ở trên.

Các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng các tiện ích trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch của phụ nữ cao tuổi gồm có:

Trình độ học vấn: Tiểu học trở xuống, THCS, THPT trở lên.

Địa bàn cư trú: Thành thị - Nông thôn.

Độ tuổi: 60-64; 65-69; 70 trở lên.

Tình trạng sức khỏe: Khỏe mạnh, Bình thường, Yếu.

Dân tộc: Kinh, DTTS.

Tình trạng tham gia tập huấn nâng cao kiến thức của Hội/ đoàn thể: Có, Không.

Là người làm chính từ 4-5 công việc nội trợ trong gia đình: Đúng, Không đúng.

Có thuộc hộ nghèo/ hộ cận nghèo: Có, Không.

Các biến số này vừa phản ánh đặc điểm nhân khẩu, xã hội của các nhóm người cao tuổi nữ, đồng thời cũng phản ánh các yếu tố về nguồn lực xã hội. Giả thuyết đặt ra là những nhóm có nguồn lực xã hội tốt hơn như có trình độ học vấn cao hơn, được tham gia vào các buổi tập huấn nâng cao kiến thức của Hội, độ tuổi trẻ hơn, có mức sống tốt hơn, cư trú ở khu vực thành thị sẽ có nhiều khả năng sử dụng các tiện ích hơn. Bởi vì có học vấn cao hoặc được tham gia các buổi tập huấn nâng cao kiến thức giúp phụ nữ cao tuổi có hiểu biết tốt hơn trong việc tham gia các hoạt động/ sử dụng các tiện ích về văn hóa, thể thao và du lịch để nâng cao chất lượng đời sống. Có sức khỏe tốt cũng như không vướng bận công việc gia đình hoặc các công việc tạo thu nhập nuôi sống bản thân sẽ tăng khả năng phụ nữ cao tuổi dành thời gian cho việc sử dụng các tiện ích văn hóa, thể thao và du lịch ở địa phương.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### *3.1. Hiểu biết của phụ nữ cao tuổi về các tiện ích văn hóa, thể thao ở địa bàn*

Tìm hiểu về các tiện ích văn hóa, thể thao và du lịch dành cho người cao tuổi hiện có địa bàn (phường/ xã) NCT sinh sống, có 25,4% NCT nữ cho biết nơi họ sinh sống không có bất kỳ tiện ích nào. Cần lưu ý rằng đây là thông tin từ NCT nữ, phản ánh sự quan sát và nắm thông tin của họ về các tiện ích trong lĩnh vực văn hóa, thể thao ở cộng đồng. Thông tin này có thể không hoàn toàn phản ánh đúng với thực tế do NCT có thể không biết đến các tiện ích này nhưng nó có thể được coi là một chỉ báo quan trọng. Bởi vì chỉ khi người cao tuổi biết đến các tiện ích dành cho mình, họ mới có cơ hội tiếp cận và sử dụng/ thụ hưởng các tiện ích đó.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, không có sự khác biệt về tỷ lệ nữ cao tuổi cho rằng không có tiện ích nào ở khu vực họ sinh sống giữa nhóm sống ở nông thôn và nhóm sống ở thành thị. Điều đó có nghĩa là, có khoảng  $\frac{1}{4}$  người cao tuổi trong mẫu nghiên cứu ở cả khu vực thành thị cũng như khu vực nông thôn có thể có ít khả năng tiếp cận các tiện ích dành cho mình do họ cho rằng không có các tiện ích này ở địa bàn họ sinh sống.

Về các tiện ích liên quan đến văn hóa và thể thao, sân chơi cộng đồng và khu tập thể dục công cộng là những tiện ích được NCT nữ đề cập đến nhiều nhất. Có 63,9% người trả lời cho biết ở phường/ xã của họ có sân chơi cộng đồng và 59,6% người trả lời cho biết ở phường/ xã của họ có khu tập thể dục công cộng.

Sân chơi cộng đồng và khu tập thể dục công cộng thường là công viên, nhà văn hóa, hoặc các không gian công cộng nhỏ ở các khu dân cư... Thực chất các không gian này không phải là nơi dành riêng cho người cao tuổi nhưng là nơi người cao tuổi có thể sử dụng cho việc tập thể dục, vui chơi... Trong thời gian qua, trên địa bàn cả nước, các mô hình thiết bị tập luyện thể dục thể thao công cộng đã được lắp đặt phục vụ nhu cầu tập luyện thể thao của người dân. Đây cũng là một trong những định hướng quy hoạch phát triển TĐTT ở từng địa phương trong Chiến lược phát triển TĐTT đến năm 2020 cũng như định hướng phát triển theo Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới. Hầu hết các dụng cụ tập luyện đều đơn giản, dễ sử dụng, đáp ứng được nhu cầu tập luyện của mọi lứa tuổi. Nếu trước đây, người dân đến công viên chỉ có thể chạy bộ hoặc tập thể dục tay không thì nay những thiết bị thể dục thể thao hiện đại là công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc vận động cơ thể. Người cao tuổi lựa chọn những thiết bị tập luyện nhẹ nhàng như dụng cụ đi bộ trên không, tay vô lăng, thiết bị tập xoay eo...

Tỷ lệ NCT cho biết có thư viện để người cao tuổi đến đọc sách báo ở địa bàn sinh sống còn thấp với 15,6% mặc dù chính sách tạo điều kiện để NCT tiếp cận với thư viện đã được chú ý. Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009 đã quy định người cao tuổi được “cung cấp thông tin, tài liệu, người hướng dẫn để người cao tuổi tham gia học tập, nghiên cứu”. Luật Thư viện - có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 đã quy định người cao tuổi không thể tới thư viện được tạo điều kiện sử dụng tài nguyên thông tin miễn phí khi có yêu cầu phù hợp với điều kiện cụ thể của thư viện (khoản 2 và khoản 5 Điều 44 Luật Thư viện). Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã có văn bản đề nghị các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/các Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch/các Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh/thành phố chỉ đạo hệ thống thư viện công cộng các cấp tăng cường và nâng cao chất lượng công tác phục vụ người cao tuổi, cụ thể:

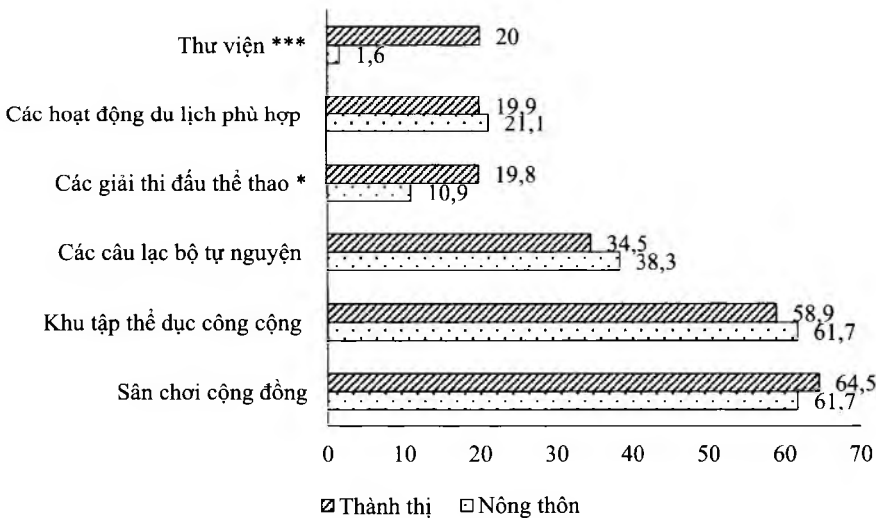
Tiếp tục kiện toàn, củng cố và hiện đại hóa hệ thống thư viện cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho người cao tuổi tiếp cận, sử dụng và khai thác tài nguyên thông tin thư viện phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và giải trí.

Về các tiện ích khác liên quan đến các hoạt động văn hóa, thể thao như câu lạc bộ tự nguyện (ví dụ như câu lạc bộ thơ, câu lạc bộ chăm sóc cây cảnh, câu lạc bộ dưỡng sinh...), các giải thi đấu thể thao dành riêng cho người cao tuổi, tỷ lệ NCT nữ cho biết có các tiện ích này ở địa phương tương ứng là 35,4%; 17,7%.

Trong lĩnh vực du lịch, tỷ lệ người cao tuổi nữ cho biết địa phương có các hoạt động du lịch phù hợp với NCT là 20,1%. Một trong những lý do dẫn đến tình trạng này được người cao tuổi nữ nhận định là vấn đề kinh phí: *“Ở đây có hoạt động đưa phụ nữ đi du lịch không? Không vì không có kinh phí. Chỉ có cấp trên đầu tư cho cơ sở hội thì mới có điều kiện đưa đi thôi. Nếu có tự tổ chức đi thì cũng phải đóng góp mà các cụ không có kinh phí”* (PVS Người cao tuổi, nông thôn, Quảng Ninh).

Xét theo địa bàn cư trú cho thấy khu vực thành thị có các tiện ích văn hóa, thể thao cho nhiều người cao tuổi hơn so với người cao tuổi ở khu vực nông thôn. Biểu đồ phía dưới cho thấy hai tiện ích mà tỷ lệ NCT nữ ở thành thị cho biết có cao hơn tỷ lệ NCT nữ ở nông thôn là thư viện và các giải thi đấu thể thao.

**Biểu đồ 1. Tỷ lệ NCT nữ cho biết có các tiện ích văn hóa, thể thao ở phường/ xã hộ sinh sống chia theo địa bàn cư trú (%)**



Mức ý nghĩa thống kê: \* p < 0,05; \*\*\* p < 0,001

Nguồn: Số liệu khảo sát của Đề tài, 2021.

### **3.2. Thực trạng sử dụng các tiện ích văn hóa thể thao và du lịch ở cộng đồng của phụ nữ cao tuổi**

Trong số những người cho rằng có các tiện ích văn hóa, thể thao và du lịch ở cộng đồng, tỷ lệ nữ cao tuổi sử dụng các tiện ích này không nhiều, chỉ khoảng 50%. Theo người cao tuổi nữ, có cả lý do chủ quan và khách quan ảnh hưởng tới việc tham gia/ sử dụng các tiện ích này. Lý do chủ quan là người cao tuổi nữ bận công việc gia đình, có thể là công việc nội trợ hoặc chăm sóc cháu nhỏ) hoặc bận làm việc tạo thu nhập để mưu sinh nên không có nhiều thời gian dành cho việc tham gia câu lạc bộ, hoặc các hoạt động tập thể với nhóm người cao tuổi.

*“Thôi sáng khuya thức dậy mình đi vòng vòng chỗ trước cửa đó, đi vòng vòng vậy rồi uống cà phê xong nhảy lên máy may làm mấy vòng may rồi trưa thì đi chợ nấu cơm, có công chuyện thì nên phường xiêu rồi lại về may tiếp. nói chung là cô không có thời gian ở không đâu tại vì cô sửa đồ may đó”* (PVS NCT nữ, Trà Vinh).

*“Trên địa bàn có CLB dưỡng sinh tự nguyện để các ông các bà trong khu phố cùng tập luyện hàng tối, Có khu thể dục công cộng là tại sân nhà văn hóa của Khu dân cư; Bản thân trước đó cũng đã tham gia vào CLB, cũng có đi tập nhưng chỉ là thời gian đầu; sau đó thì đã bỏ do phải đi làm cả ngày, tối về nhà cơm nước, tắm rửa xong thì bị muộn, cũng mệt, chỉ muốn đi nằm nên đã bỏ tham gia. Tuy nhiên, theo đánh giá của cá nhân tôi, hoạt động của CLB dưỡng sinh tại khu phố cũng rất hiệu quả, các ông các bà tham gia nhiệt tình, tối nào cũng ra tập luyện đều và thi thoảng còn tổ chức các buổi thi đấu...”* (PVS NCT nữ, Quảng Trị).

Dữ liệu định tính cũng cho biết điều kiện kinh tế khó khăn khiến một số người cao tuổi nữ, đặc biệt là người cao tuổi nữ ở nông thôn, thường không có lương hưu vẫn tiếp tục lao động để kiếm sống thay vì dành thời gian cho các hoạt động giải trí, chăm sóc sức khỏe.

*“Có ở đây có nhà văn hoá xã nhưng họ ít tập trung vì toàn dân lao động, lao động xong họ cũng mệt mỏi rồi họ nghỉ ngơi nên họ ít có hoạt động vui chơi. Do đời sống vất vả nên họ ít tham gia. Mà chỉ có nam thôi, phụ nữ ít. Cái này thì khó bởi vì cuộc sống họ vất vả, ai khá giả thì họ có nhiều thời gian tham gia còn những gia đình mà kinh tế khó khăn thì họ ít tham gia, có khi người ta ngại đó, thường thường là người ta ngại vì tham gia thể thao kiểu người ta ngại nên cũng không tham gia vì đây nông thôn nó không giống thành thị”* (PVS Cán bộ MTTQ xã, Trà Vinh).

Ngoài các lý do chủ quan liên quan đến người cao tuổi, tỷ lệ NCT nữ sử dụng các tiện ích văn hóa, thể thao thấp còn do bất hợp lý trong cung cấp các tiện ích cho người cao tuổi. Cụ thể, các tiện ích chưa mang lại sự thuận tiện về vị trí và khoảng cách cho người cao tuổi nữ dễ dàng tiếp cận. Hoặc thiếu người tổ chức, quản lý và

duy trì các câu lạc bộ. Hoặc thiếu thôn về thiết bị, cơ sở vật chất để người cao tuổi nữ có thể sử dụng.

*“Tổ dân phố trải dài hơn 10 cây. Ở đây mỗi nhà cách nhau khá xa. Các câu lạc bộ thường ở tổ trung tâm. Đường đi lại của các tổ nằm sâu bên trong chưa thuận tiện. Đi xe thì ngại các con không cho đi. Việc đưa CLB cho mọi người đều tham gia được thì lại phải phù hợp với từng nơi. Ở đây sống thưa thớt với nhau. Trình độ dân trí không đồng đều nên việc tham gia của NCT cũng có sự hạn chế”* (TLN NCT nữ, Lào Cai).

*“Lúc trước ở phường có câu lạc bộ thơ ca, rồi sau này cái người phụ trách là chủ tịch hội người cao tuổi cũng nhiều việc quá nên cái hội thơ ca nó tự nghỉ luôn. Năm vừa rồi là 2020 có người muốn hoạt động lại câu lạc bộ thơ ca nhưng chưa có chương trình hoạt động”* (TLN NCT nữ, thành phố Hồ Chí Minh (TP HCM)).

*“Có nhà văn hóa mới xây dựng từ năm ngoái. Mới có loa đài nhưng chưa có ti vi, chưa có dụng cụ tập thể dục công cộng. Mặc dù họ không đi hết nhưng nên đầu tư để cho những ai có nhu cầu tập thể dục. Có, bác cũng thấy rất bổ ích. Ví dụ như các hoạt động văn hóa văn nghệ rất vui nhưng điều kiện cơ sở vật chất của nhà văn hóa còn nghèo nàn quá”* (PVS Người cao tuổi, nông thôn, Quảng Ninh).

Số liệu thu được cho thấy, trong số những người biết đến các tiện ích về văn hóa, thể thao và du lịch ở địa phương, có khoảng 50% số này có tham gia các hoạt động như đi du lịch, tập thể dục, sinh hoạt ở sân chơi cộng đồng và tham gia các câu lạc bộ tự nguyện. Trong đó, tỷ lệ nữ cao tuổi tham gia hoạt động đi du lịch cao nhất (63,2%). Tiếp đến là tỷ lệ sử dụng khu tập thể dục công cộng (54,1), sử dụng sân chơi cộng đồng (48,0%). Tỷ lệ người cao tuổi nữ tham gia các giải thi đấu thể thao dành riêng cho người cao tuổi và thư viện thấp nhất. Nhìn chung, những người có tham gia/ sử dụng các hoạt động tiện ích kể trên đánh giá cao về lợi ích của việc sử dụng các tiện ích dành cho người cao tuổi.

*“Hoạt động này không chỉ giúp tôi rèn luyện, nâng cao sức khỏe của bản thân mà còn được đến để gặp gỡ mọi người, được trò chuyện, giao lưu, chia sẻ với nhau... Trong nhóm, mỗi người đều có những hoàn cảnh riêng, nỗi khổ riêng và khi gặp nhau thì dễ được giải tỏa, đồng cảm”* (PVS NCT nữ, Quảng Trị).

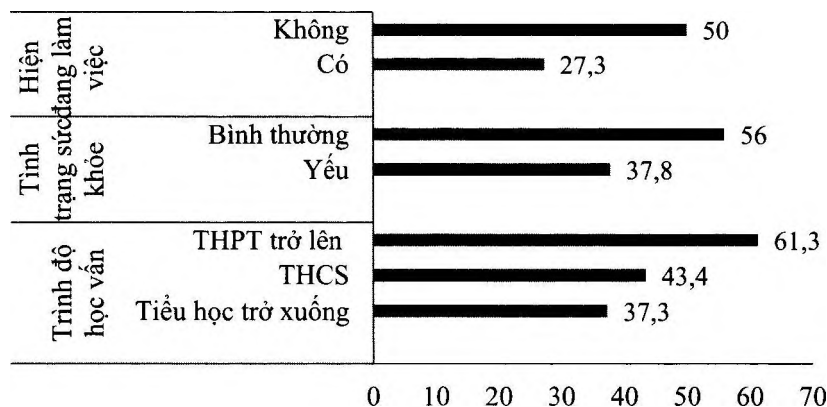
*“Hiện tại cô đang sống ở thành phố hiện tại đang sinh hoạt câu lạc bộ dưỡng sinh. Qua những buổi dưỡng sinh đem lại sức khỏe, niềm vui, nắm bắt tâm tư, nỗi buồn, đồng thời học hỏi lẫn nhau. Với lứa tuổi như chị em mình thì chỉ cần sức khỏe, tinh thần tốt”* (TLN NCT nữ, Lào Cai).

Có sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm xã hội trong sử dụng các tiện ích văn hóa, thể thao ở cộng đồng. Cụ thể, nhóm sử dụng thư viện có đặc điểm: sống ở khu vực thành thị, hiện không làm việc, có độ tuổi dưới 70, sức khỏe bình thường, học vấn từ trung học phổ thông trở lên, có mức sống trung bình trở lên.



Nhóm sử dụng sân chơi cộng đồng: không có sự khác biệt giữa nông thôn, thành thị, giữa các nhóm tuổi, nhóm đi làm hay không, nhóm tình trạng sức khỏe, nhóm phải làm công việc nội trợ hay không. Hai yếu tố có ảnh hưởng rõ nhất là trình độ học vấn và mức sống. Nhóm có mức sống trung bình trở lên có tỷ lệ sử dụng sân chơi cộng đồng cao hơn so với nhóm có mức sống nghèo và cận nghèo (51,6% so với 27,7%). Nhóm có trình độ học vấn cao hơn có xu hướng sử dụng sân chơi cộng đồng nhiều hơn. Tỷ lệ tương ứng với các nhóm có trình độ tiểu học trở xuống, trung học cơ sở và trung học phổ thông trở lên là: 36,6%, 54,1% và 64,2%. Xu hướng diễn ra tương tự đối với nhóm sử dụng khu tập thể dự công cộng. Đối với việc tham gia các câu lạc bộ tự nguyện, không có sự khác biệt giữa nhóm sống ở thành thị và nông thôn, độ tuổi, mức sống.

**Biểu đồ 2. Tỷ lệ người cao tuổi nữ tham gia các câu lạc bộ tự nguyện chia theo tình trạng làm việc, trình độ học vấn, sức khỏe (%)**



Nguồn: Số liệu khảo sát của Đề tài, 2021.

Nhóm tham gia các giải thi đấu thể thao dành riêng cho người cao tuổi: nhiều hơn ở nhóm dưới 70 tuổi, có sức khỏe bình thường, có trình độ học vấn trung học phổ thông trở lên. Về hoạt động du lịch, nhóm trình độ học vấn cao, mức sống trung bình trở lên có tỷ lệ tham gia các hoạt động này nhiều hơn so với nhóm có học vấn và mức sống thấp hơn. Nguyên vọng có các tiện ích phù hợp được người cao tuổi nữ bày tỏ:

*“Ở nhà con cháu thì bận việc rồi lại loay hoay với cái điện thoại, Chúng tôi không có ai tâm sự nên chỉ ngồi xem ti vi hay đi gặp gỡ chị em trong hội ở ngoài nhà văn hóa. Tivi không có nên chị em ngồi trò chuyện, giao lưu trao đổi với nhau. Nếu muốn nâng cao cho chị em vui vẻ thì cũng cần có bài bản: Đầu tư thầy dạy những bài học quyền, bài tập thể dục dưỡng sinh cho các cụ. Đầu tư tivi, dụng cụ tập thể dục nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe cho người cao tuổi,*

*giảm sức nặng cho con cháu. Tôi thấy trên thành phố có những nơi đầu tư chưa thiết thực, mà nông thôn chúng tôi thì lại thiếu rất cần được đầu tư những vấn đề thiết thực hơn” (TLN NCT nữ, TP HCM).*

*“Người già thì sức khỏe người ta yếu, sức khỏe người ta không có. Như người già của mình sống trong thành phố mà để có được một công viên nho nhỏ đó mà thoáng mát thì cô nghĩ đó cũng là 1 cách nâng cao sức khỏe của người già, để cho các cụ mà thấy ngọt ngào hay buồn chuyện gì đó thì người ta có thể ra đó thư giãn, đó cũng là 1 cách để hỗ trợ sức khỏe cho người cao tuổi” (TLN NCT nữ, TP HCM).*

### **3.3. Yếu tố tác động đến việc sử dụng các tiện ích văn hóa, thể thao của phụ nữ cao tuổi**

Phân tích về thực trạng tiếp cận/ tham gia các tiện ích văn hóa, thể thao và du lịch của phụ nữ cao tuổi cho thấy, tỷ lệ phụ nữ cao tuổi sử dụng các tiện ích rất khác nhau. Điều này có thể lý giải bởi tùy thuộc vào nhu cầu và điều kiện, khả năng của từng cá nhân, mà mỗi người lựa chọn một hoặc một vài tiện ích phù hợp với bản thân. Việc tiếp cận và sử dụng ít nhất một tiện ích trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch có thể sẽ giúp mang lại cho người cao tuổi nữ sự thoải mái về thể chất hoặc tinh thần. Để nhận diện rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng tới việc sử dụng các tiện ích về văn hóa, thể thao và du lịch của phụ nữ cao tuổi, mô hình hồi quy logistic được xây dựng với biến số phụ thuộc là: NCT nữ có sử dụng ít nhất 01 trong số các tiện ích liên quan đến văn hóa, thể thao và du lịch (0=Không; 1=Có). Các biến số độc lập được đưa vào mô hình phân tích gồm có: 1. Các biến số liên quan đến đặc trưng nhân khẩu xã hội của người cao tuổi như: Độ tuổi, tình trạng sức khỏe, khu vực cư trú, dân tộc; 2. Các yếu tố liên quan đến nguồn lực và tiếp cận nguồn lực của người cao tuổi như: trình độ học vấn, tham gia tập huấn nâng cao kiến thức của Hội/ đoàn thể, mức sống, tham gia các công việc nội trợ của gia đình.

Kết quả mô hình hồi quy logistic đã chứng minh phần nào giả thuyết đặt ra. Phụ nữ cao tuổi có trình độ học vấn càng cao, khả năng tiếp cận/ sử dụng ít nhất 01 tiện ích về văn hóa, thể thao và du lịch càng lớn. Cụ thể, khả năng tiếp cận/ sử dụng ít nhất 01 tiện ích ở nhóm phụ nữ có trình độ trung học cơ sở cao hơn 2,06 lần so với nhóm có trình độ tiểu học trở xuống. Tỷ số chênh lệch tương ứng ở nhóm có trình độ trung học phổ thông trở lên so với nhóm có trình độ tiểu học trở xuống là 4,16 lần. Nhóm phụ nữ đã từng tham gia hoạt động tập huấn nâng cao kiến thức của tổ chức Hội/ đoàn thể có khả năng tiếp cận/ sử dụng ít nhất 01 tiện ích cao hơn gần gấp đôi so với nhóm không tham gia tập huấn.

Theo kết quả phân tích hồi quy, mức sống hộ gia đình và việc đang đảm nhiệm trách nhiệm là người chăm sóc, làm các công việc nội trợ trong gia đình

không có ảnh hưởng đáng kể đến việc tiếp cận/ sử dụng ít nhất 1 tiện ích. Có thể do phụ nữ cao tuổi đã tùy theo hoàn cảnh cá nhân để lựa chọn sử dụng tiện ích phù hợp.

Đáng chú ý, số liệu cho thấy, khả năng sử dụng ít nhất 01 tiện ích của nhóm phụ nữ cao tuổi ở khu vực thành thị thấp hơn đáng kể so với nhóm ở khu vực nông thôn. Dữ liệu của cuộc khảo sát này chưa cho phép chỉ ra nguyên nhân của sự khác biệt. Một vài giả định ban đầu được đưa ra là có thể nhu cầu của nữ cao tuổi ở khu vực thành thị đa dạng hơn so nhu cầu của phụ nữ cao tuổi ở khu vực nông thôn, đồng thời cũng đa dạng hơn với các tiện ích hiện có. Hơn nữa, ở khu vực thành thị, sự phát triển của các dịch vụ xã hội cũng cho phép phụ nữ cao tuổi có nhiều cơ hội hơn trong tiếp cận các dịch vụ/ tiện ích khác, có thể có hình thức và chất lượng tốt hơn so với các tiện ích hiện có.

**Bảng 1. Mô hình hồi quy các yếu tố ảnh hưởng việc phụ nữ cao tuổi sử dụng ít nhất 1 tiện ích trong văn hóa, thể thao và du lịch**

	Yếu tố ảnh hưởng	Tỷ số chênh lệch	N
<b>Độ tuổi</b>	60-65	1	172
	66-69	1,41	155
	70 trở lên	1,51	158
<b>Trình độ học vấn</b>	Tiểu học trở xuống	1	211
	Trung học cơ sở	2,06**	118
	THPT trở lên	4,16***	156
<b>Tình trạng sức khỏe</b>	Khỏe mạnh	1	31
	Bình thường	0,81	215
	Yếu	1,05	239
<b>Dân tộc</b>	Kinh	1	459
	TĐTS	0,79	26
<b>Là người làm chính từ 4-5 công việc nội trợ</b>	Đúng	1	330
	Không	1,22	155
<b>Tham gia tập huấn nâng cao kiến thức của Hội/ đoàn thể</b>	Có	1	176
	Không	0,58*	309
<b>Thuộc hộ nghèo/ cận nghèo</b>	Có	1	59
	Không	1,52	426
<b>Khu vực sinh sống</b>	Nông thôn	1	119
	Thành thị	0,56**	366

Mức ý nghĩa thống kê: \*  $p < 0,05$ ; \*\*  $p < 0,01$ ; \*\*\*  $p < 0,001$

Nguồn: Số liệu khảo sát của Đề tài, 2021.

#### 4. Thảo luận và kết luận

Dự báo của Tổng cục Thống kê theo giả định mức sinh trung bình giai đoạn 2009-2069 cho thấy, dân số từ 60 tuổi trở lên sẽ đạt 17,28 triệu người (chiếm 16,53% tổng dân số) vào năm 2029; 22,29 triệu người (chiếm 20,21% tổng dân số); 28,61 triệu người (chiếm 24,88% tổng dân số) vào năm 2049 và 31,69 triệu người (chiếm 27,11% tổng dân số) vào năm 2069. Theo đó, xu hướng già hóa dân số tiếp tục gia tăng trong giai đoạn tới (Tổng cục Thống kê, 2021). Như thế, việc ban hành các chính sách và thực hiện các biện pháp, hoạt động phát huy vai trò cũng như bảo vệ, hỗ trợ cho nhóm dân số này nói chung, cụ thể trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch là hết sức cần thiết.

Qua rà soát các văn bản có liên quan cho thấy đã có các quy định về việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao, vui chơi giải trí phù hợp với người cao tuổi. Gần đây nhất, Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030 đã nêu rõ mục tiêu đến năm 2025, ít nhất 60% số xã, phường, thị trấn có các loại hình câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của người cao tuổi, thu hút ít nhất 50% người cao tuổi tham gia luyện tập thể dục, thể thao, ít nhất 10% người cao tuổi tham gia văn hóa, văn nghệ. Đến năm 2030, ít nhất 90% số xã, phường, thị trấn có các loại hình câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của người cao tuổi, thu hút ít nhất 70% người cao tuổi tham gia luyện tập thể dục, thể thao, ít nhất 20% người cao tuổi tham gia văn hóa, văn nghệ. Tuy nhiên, trên thực tế còn tồn tại một số vấn đề cần quan tâm.

Thứ nhất, các quy định về tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao được nêu chung cho người cao tuổi. Trong khi đó, số liệu về người cao tuổi chỉ ra những khác biệt đáng kể giữa người cao tuổi nam và người cao tuổi nữ. Ví dụ như sự khác biệt về tình trạng hôn nhân, tình trạng sức khỏe hay tuổi càng cao thì tỷ lệ sống ở nông thôn của phụ nữ cao tuổi càng lớn hơn nam giới cao tuổi (Tổng cục thống kê, 2021). Các xu hướng này khẳng định cần quan tâm tới việc lập kế hoạch và triển khai các tiện ích, dịch vụ liên quan tới văn hóa, thể thao và du lịch phù hợp với nhu cầu theo giới tính của người cao tuổi.

Thứ hai, sự khác biệt giữa các nhóm xã hội trong tiếp cận và sử dụng các tiện ích văn hóa, thể thao và du lịch gợi ra rằng khả năng và cơ hội tiếp cận của các nhóm người cao tuổi nữ là không như nhau. Khả năng tiếp cận và sử dụng ít nhất 01 tiện ích ở nhóm có trình độ học vấn cao (từ trung học cơ sở trở lên), nhóm có tham gia các hoạt động tập huấn của Hội/ đoàn thể cao hơn so với nhóm có trình độ học vấn tiểu học trở xuống và nhóm không tham gia tập huấn. Đối với từng tiện ích cụ thể, khả năng tham gia của nhóm tuổi trẻ hơn, nhóm không phải làm việc, nhóm có sức khỏe tốt hơn cũng cao hơn. Vấn đề đặt ra là việc có các

nguồn lực tốt hơn (về học vấn, kiến thức, sức khỏe, quỹ thời gian) giúp nữ cao tuổi tiếp cận và sử dụng các tiện ích nhiều hơn hay các tiện ích hiện nay mới chỉ phù hợp và đáp ứng nhu cầu của một bộ phận phụ nữ cao tuổi. Việc thúc đẩy khả năng tiếp cận, sự tham gia của nhóm có trình độ học vấn thấp hơn, nhóm có sức khỏe kém hơn cũng như nhóm đang tiếp tục làm việc (có thể làm việc tạo thu nhập hoặc làm các công việc nội trợ, chăm sóc trong gia đình) cần được chú ý trong giai đoạn tới. Để đạt được điều đó, cần có sự đa dạng cả về hình thức, nội dung, cách thức hoạt động cũng như sự mở rộng về quy mô, sự đảm bảo về chất lượng của các tiện ích trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đối với người cao tuổi nữ. Cũng cần chú ý đến việc cung cấp thông tin về các tiện ích cho các nhóm người cao tuổi. Chỉ khi biết có các tiện ích, phụ nữ cao tuổi mới có cơ hội để tham gia/sử dụng.

### Tài liệu trích dẫn

- Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2009. Luật Người cao tuổi.
- Teerawichitchainan, B., W Pothisiri, & T.L Giang. 2015. *How do living arrangements and intergenerational support matter for psychological health of elderly parents? Evidence from Myanmar, Vietnam, and Thailand*. Social Science & Medicine, 136-137: pp.106-116.
- Thủ tướng Chính phủ. 2010. Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020 (ban hành theo Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ).
- Thủ tướng Chính phủ. 2012. Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012-2020 (ban hành theo Quyết định số 1781/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ).
- Thủ tướng Chính phủ. 2021. Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030 (ban hành theo Quyết định số 2156/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ).
- Tổng cục Thống kê. 2021. *Tổng điều tra Dân số và nhà ở 2019: Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam*.
- Vũ Công Nguyên, Trần Thị Mai, Đặng Thùy Linh, Chei Choy-Lye, Saito Yasuhiko. 2020. *Người cao tuổi và sức khỏe tại Việt Nam*. Nxb. Lao động.